TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 25 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 489/2017/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà V, sinh năm: 1979.
Địa chỉ: đường T, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông T, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: phường T, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 54, 56, 57, 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lê phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà V và ông T, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45; Quyển số I/2015 do Ủy ban nhân dân phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 6 năm 2015. Bà V và ông T chấm dứt quan hệ hôn nhân kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2018.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà V và ông T có một con chung tên N, sinh ngày 01/01/2016. Ông T và bà V thỏa thuận giao cháu Ngọc cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 (*Hai triệu)* đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền được thực hiện vào ngày mùng 01 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/01/2019.

Ông T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, nhưng không được làm những gì ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tinh thần của con chung.

Vì quyền lợi của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng tiền nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Bà V và ông Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Bà V và ông Ttrình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Bà V và ông Lê Chí Trung, mỗi người phải nộp 75.000 *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng. Ghi nhận sự tự nguyện bà V chịu án phí hôn nhân cho ông Lê Chí Trung.

- Án phí cấp dưỡng hòa giải thành, ông T phải nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn)* đồng, bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008689 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

- Hoàn trả bà V số tiền 1.875.000 (*Một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AE/2014/0008691 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ, Như Trang./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Muôn